

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỘNG LỰC TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO NGÀNH KINH TẾ TẠI MỘT TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

● PHẠM NGỌC DƯƠNG - TRƯƠNG THỊ THUYẾT VỊ

TÓM TẮT:

Nghiên cứu này được thực hiện với mục đích nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến động lực tự học (ĐLTH) của sinh viên chương trình chất lượng cao ngành Kinh tế tại một trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 4 yếu tố ảnh hưởng đến ĐLTH của sinh viên là: Ý chí của bản thân (YC); Gia đình và bạn bè (GDBB); Môi trường xã hội (XH); Môi trường học tập (MT). Trong đó, Ý chí của bản thân là yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất đến ĐLTH của sinh viên. Từ kết quả nghiên cứu này, nhóm tác giả đề xuất các hàm ý quản trị cho các bên liên quan như gia đình, nhà trường, đội ngũ giảng viên trong việc tìm ra các giải pháp nhằm nâng cao ĐLTH của sinh viên, qua đó nâng cao chất lượng sinh viên ra trường, mang lại lợi ích cho gia đình, nhà trường và xã hội.

Từ khóa: tự học, động lực tự học, sinh viên chương trình chất lượng cao.

1. Đặt vấn đề

Động lực tự học là một trong những yếu tố quan trọng quyết định đến khả năng tiếp thu kiến thức của sinh viên đối với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Tại khoản 3 Điều 2 Quyết định số 43/2007/QĐ - BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ, sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân như vậy, tiếp thu được một tiết

học lý thuyết tại giảng đường yêu cầu sinh viên cần ít nhất 2 giờ tự học và tự nghiên cứu trước khi đến giảng đường, có như vậy mới phát huy được hết tính ưu việt của phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

2. Lý thuyết về động lực và ĐLTH của sinh viên

Động lực chính là yếu tố thôi thúc con người hành động để thỏa mãn một nhu cầu nào đó, con người sẽ không thể đạt được mục đích của mình nếu không có đủ động lực.

Về động lực học tập của người học, Bomia cho

rằng đó là sự khao khát, mong muốn, hào hứng, cảm thấy có trách nhiệm và đầy nhiệt huyết trong quá trình học tập (Bomia, 1997). Động lực học tập là nguyên nhân dẫn đến hành động của sinh viên (Merriam-Webster, 1997), là sự nỗ lực cố gắng để hoàn thành có kết quả một công việc nào đó (DuBrin, 2008). Như vậy, ĐLTH là yếu tố then chốt quyết định chất lượng đào tạo khi thực hiện theo phương thức hệ thống tín chỉ, nếu không có ĐLTH, sinh viên không tự tìm kiếm tài liệu, chuẩn bị bài ngay ở nhà với thời lượng ít nhất bằng 2 lần thời gian học tập trên giảng đường thì khó có thể tiếp thu được bài giảng từ giảng viên. Tại Việt Nam, sau khi các trường đại học và cao đẳng thực hiện Quyết định số 43/2007/QĐ - BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, nghiên cứu của Trịnh Đăng Khoa (2014) chỉ rõ khoảng 60% sinh viên không đáp ứng được yêu cầu tự học theo hệ thống tín chỉ (Quyên, 2014). Trước thực trạng đó, một số nghiên cứu về ĐLTH của sinh viên tại các trường Đại học tại Việt Nam được thực hiện như: Nghiên cứu của Nga và Kiệt (2016) đối với 495 sinh viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ cho thấy có 5 yếu tố tác động đến động lực học tập của sinh viên gồm: hoạt động phong trào, chất lượng giảng viên, chương trình đào tạo, điều kiện học tập, và môi trường học tập. Dung và Anh (2012) nghiên cứu với 423 sinh viên tại một trường Đại học ở Hà Nội cho thấy 4 yếu tố tác động đến động lực học tập của sinh viên là: Sự hài lòng của sinh viên về chất lượng giảng viên, môi trường học tập, điều kiện học tập, các hoạt động hỗ trợ sinh viên trong học. Tài và nnk (2016) khảo sát 190 sinh viên tại Trường Đại học Lạc Hồng cho thấy 7 yếu tố tác động đến động lực học tập của sinh viên là: yếu tố xã hội, gia đình và bạn bè, môi trường học tập, nhận thức của bản thân, ý chí của bản thân người học, quan điểm sống của người học, khu vực sống của người học.

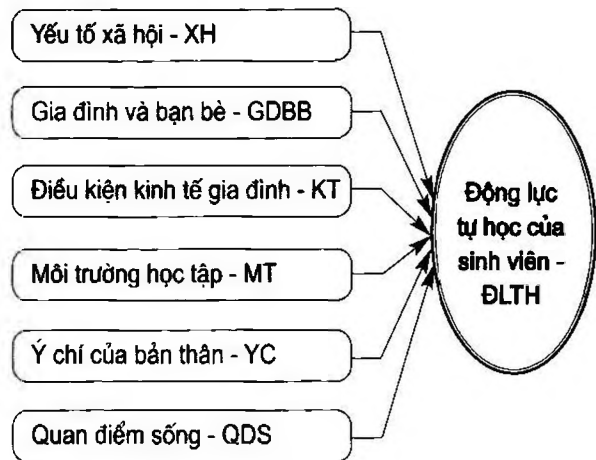
Hiện nay, để được học tại các chương trình đào tạo chất lượng cao, sinh viên phải đáp ứng điểm đầu vào của các kỳ tuyển sinh như với các chương trình đào tạo khác, nhưng mức học phí phải đóng

thường cao hơn. Mặc dù các trường hết sức quan tâm từ cơ sở vật chất tốt nhất, sĩ số sinh viên mỗi lớp nhỏ, địa điểm học tập thuận lợi, phòng học được trang bị hiện đại nhưng chất lượng sinh viên chưa được các nhà tuyển dụng đánh giá cao như kỳ vọng của lãnh đạo các trường cũng như đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy.

3. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Từ cơ sở lý thuyết và thực tiễn giảng dạy hướng dẫn sinh viên, nhóm nghiên cứu thấy rằng để nâng cao chất lượng sinh viên tốt nghiệp từ các chương trình chất lượng cao, việc nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến ĐLTH của sinh viên là cần thiết. Từ đó, nhóm nghiên cứu đề xuất mô hình nghiên cứu gồm 6 yếu tố sau: (1) xã hội, (2) gia đình và bạn bè, (3) điều kiện kinh tế gia đình, (4) môi trường học tập, (5) ý chí của bản thân, (6) quan điểm sống. (Hình 1)

Hình 1: Mô hình nghiên cứu



Nguồn: Tác giả tự đề xuất

4. Phương pháp nghiên cứu

Tổng hợp kết quả của các công trình nghiên cứu về ĐLTH của sinh viên tại các trường đại học trên phạm vi cả nước, nhóm nghiên cứu đã lựa chọn các biến quan sát phù hợp với đặc điểm của sinh viên đang học chương trình chất lượng cao ngành Kinh tế tại trường để hình thành bảng câu hỏi nháp để nghiên cứu định tính với 4 sinh viên năm cuối và 6 giảng viên đang giảng dạy chương trình chất lượng cao. Bảng câu hỏi sau đó được

điều chỉnh rồi phát trực tiếp cho sinh viên để sinh viên tự đánh dấu vào lựa chọn của sinh viên trên thang đo Likert 5 mức độ trong bảng câu hỏi.

Số liệu thu thập được xử lý bằng phần mềm SPSS 26.0 theo trình tự sau: kiểm định độ tin cậy thang đo Cronbachs alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích tương quan giữa các biến độc lập và phụ thuộc, phân tích hồi quy bội và cuối cùng kiểm định One-sample T-test và One-way ANOVA được thực hiện để so sánh động lực tự học tập của sinh viên theo giới tính, theo số năm theo học tại Trường, và theo khu vực sinh viên sinh sống trước khi học tập tại Trường.

5. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

a. Đặc điểm mẫu khảo sát

Nhóm nghiên cứu đã phát 200 bảng câu hỏi trực tiếp và online đến các sinh viên đang theo học khối ngành kinh tế chương trình chất lượng cao tại các trường đại học trên địa bàn TP. HCM, kết quả thu về 162 mẫu đủ điều kiện để phân tích. Kết quả cụ thể: về giới tính nữ chiếm 72,8%, số năm sinh viên đang học tập phân bố đều từ năm 1 đến năm thứ 4; về nơi cư trú của người học ngoài TP. HCM chiếm 63%, đây là những sinh viên xuất thân từ những gia đình có điều kiện kinh tế khá giả, có thể đóng học phí cao hơn mức học phí của chương trình khác, những gia đình này thường có cơ sở kinh doanh hoặc bố mẹ làm trong cơ quan nhà nước, đây chính là lý do mà nhóm nghiên cứu quyết định đưa biến độc lập “Điều kiện kinh tế gia đình” vào mô hình nghiên cứu.

b. Phân tích số liệu khảo sát

Kết quả kiểm định độ tin cậy (Cronbachalpha) của biến phụ thuộc và các biến độc lập cho thấy, sau khi loại bỏ các quan sát có hệ số tương quan biến tổng nhỏ hơn 0,3. Hệ số Cronbachs alpha của biến phụ thuộc là 0,698; Hệ số Cronbachs alpha của các biến độc lập có hệ số thấp nhất là 0,674 và cao nhất là 0,805, đều lớn hơn 0,6 cho nên biến phụ thuộc và các biến độc lập đủ điều kiện để đưa vào phân tích các bước tiếp theo.

Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA và ma trận xoay cho thấy có 6 yếu tố được rút trích từ 32 biến đo lường, gồm: Yếu tố KT; Yếu tố MT; Yếu tố YC; Yếu tố về QDS; Yếu tố XH; Yếu tố

về GDBB. Với phương sai trích bằng 71,289% và trọng số nhân tố của các biến quan sát đều đạt yêu cầu ($> 0,50$) với hệ số KMO là 0,701 và mức ý nghĩa 0,000.

Tiếp tục tiến hành phân tích hồi quy tuyến tính bằng phương pháp bình phương nhỏ nhất thông thường (OLS). Kết quả phân tích hồi quy cho thấy, hệ số R bình phương hiệu chỉnh của mô hình bằng 0,373 có nghĩa là các biến độc lập giải thích được 37,3% sự biến thiên của biến Động lực tự học tập của sinh viên. Kiểm định F cho giá trị (16,972) và hệ số Sig. = 0,000b cho thấy mô hình hồi quy tuyến tính với các biến trên là phù hợp với tập dữ liệu mẫu và tổng thể. Kết quả phân tích cũng cho thấy hệ số Durbin -Watson bằng 1,997 là lớn hơn 1 và nhỏ hơn 3, có thể kết luận không có vi phạm về phân phối chuẩn của phần dư, phương sai phần dư không đổi, hiện tượng tự tương quan bậc 1 và không có hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến. (Bảng 1)

Bảng kết quả hồi quy cho thấy 3 biến độc lập là: Yếu tố YC; Yếu tố XH; Yếu tố GDBB có ý nghĩa thống kê ở mức trên 95% và 01 biến độc lập MT có ý nghĩa thống kê ở mức trên 90%. Các hệ số Beta chưa chuẩn hóa đều mang dấu “dương” do vậy có thể kết luận rằng các yếu tố: YC; yếu tố XH; yếu tố GDBB; yếu tố MT có mối quan hệ đồng biến với biến phụ thuộc ĐLTH của sinh viên. Tức là khi các biến quan sát trong nhóm các yếu tố này được nâng lên thì ĐLTH của sinh viên sẽ được nâng lên.

Căn cứ vào hệ số Beta đã chuẩn hóa ta thấy yếu tố tác động mạnh nhất đến ĐLTH tập của sinh viên là Yếu tố YC có hệ số Beta đã chuẩn hóa bằng 0,338, theo sau đó là Yếu tố GDBB Beta đã chuẩn hóa bằng 0,165, Yếu tố XH hệ số Beta đã chuẩn hóa bằng 0,150, và Yếu tố tác động yếu nhất là MT hệ số Beta đã chuẩn hóa bằng 0,127.

Kiểm định sự khác biệt về ĐLTH của sinh viên theo đặc tính cá nhân cho thấy: Không có sự khác biệt về ĐLTH của sinh viên theo khu vực sinh sống của sinh viên và cũng như không có sự khác nhau về ĐLTH của nam sinh viên và nữ sinh viên, nhưng có sự khác nhau về ĐLTH năm thứ 4 so với sinh viên các năm 1, 2, 3. Điều này phản ánh đúng

Bảng 1. Bảng kết quả hồi quy

Coefficients ^a								
Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics		
	B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF	
1	(Constant)	.135	.401		.336	.738		
	KT	.040	.059	.045	.667	.506	.855	1.169
	MT	.133	.077	.127	1.716	.088	.708	1.412
	YC	.377	.068	.388	5.509	.000	.786	1.272
	XH	.164	.070	.150	2.356	.020	.955	1.047
	GDBB	.154	.068	.165	2.256	.025	.724	1.381

a. Dependent Variable: DLC

Nguồn: Kết quả phân tích số liệu khảo sát

thực tế là sinh viên năm thứ 4 là năm cuối, bởi những sinh viên này chỉ còn 1 học kỳ học tập tại trường, còn lại là thời gian thực tập tại doanh nghiệp và viết khóa luận tốt nghiệp tại nhà. Do vậy, đòi hỏi sinh viên phải có ĐLTH tập cao hơn mới có thể hoàn thành khóa luận tốt nghiệp để nhận bằng tốt nghiệp theo đúng thời gian quy định.

6. Hàm ý quản trị

Từ kết quả nghiên cứu trên đây, nhóm nghiên cứu đề xuất một số hàm ý quản trị như sau:

Đối với yếu tố “Ý chí của bản thân”: ý chí của bản thân là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến ĐLTH của sinh viên. Để rèn luyện Ý chí khắc phục khó khăn, hình thành động lực học tập đúng đắn cho sinh viên: Nhà trường cần thường xuyên có các hoạt động tôn vinh và khen thưởng xứng đáng cho những sinh viên lập thành tích cao trong học tập, qua đó thúc đẩy ý chí vươn lên của các sinh viên cũng cảnh ngộ; đội ngũ giảng viên cần quan tâm hỗ trợ sinh viên đặt ra các mục tiêu trong học tập, qua đó giúp sinh viên hình thành mục tiêu của cuộc đời; cần giúp cho sinh viên rèn luyện tính tự tin, trao đổi kiến thức và hình thành bản lĩnh trong cuộc sống. Cuối cùng, gia đình cần quan tâm theo dõi diễn biến tâm lý sinh viên sau

khi rời môi trường gia đình bước vào môi trường học tập tại trường đại học, qua đó kịp thời uốn nắn giúp cho sinh viên thiết lập mục tiêu ngắn hạn và dài hạn để phấn đấu cho tương lai.

Đối với yếu tố “Xã hội”: yếu tố xã hội ảnh hưởng đến ĐLTH của sinh viên, đặc biệt là sinh viên năm cuối, khi họ đã xác định rõ mục tiêu nghề nghiệp trong tương lai. Như vậy: (1) Đối với nhà trường, cần thường xuyên có các hoạt động giao lưu giữa cựu sinh viên và sinh viên đang học tập tại trường. Tại các cuộc giao lưu này mời các cựu sinh viên điển hình đã gặt hái được nhiều thành công từ trong lĩnh vực nhà trường đào tạo chia sẻ kinh nghiệm học tập, xin việc cho sinh viên từ đó giúp sinh viên hình thành hình mẫu lý tưởng để noi theo. (2) Đối với đội ngũ giảng viên, trong quá trình giảng dạy cần làm tốt công việc “truyền lửa” để truyền đến sinh viên kỹ năng nghề nghiệp, lòng yêu nghề, ý thức tự học để theo kịp với sự phát triển của nghề nghiệp.

Đối với yếu tố “Gia đình”: cần có những định hướng rõ ràng cho con em ngay từ năm đầu tiên vào đại học, có phần thưởng xứng đáng khích lệ con em khi đạt được kết quả cao cũng như kịp thời động viên con em khi có kết quả không mong muốn. Cần trang bị cho con em những trang thiết

bị cần thiết để sinh viên có thể tự học, tự tìm hiểu tài liệu qua mạng internet như máy tính, máy in và các thiết bị công nghệ phục vụ tự học khác. Giúp con em hiểu rõ hoàn cảnh thực sự của gia đình, qua đó động viên con em tăng cường ĐLTH để nắm vững kiến thức nghề nghiệp sẵn sàng đón nhận tương lai.

Đối với yếu tố “Môi trường học tập”: nhóm tác giả có một số đề xuất như sau:

Về phía giảng viên, cần hướng dẫn sinh viên cách thức học tập trong môi trường đại học, định hướng, hướng dẫn sinh viên cách thức tự tìm hiểu tài liệu trước khi tới giảng đường. Cụ thể như: (1) Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu đề cương chi tiết môn học; (2) Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khái quát từng chương trong giáo trình bằng cách gợi mở, dẫn dắt để sinh viên tìm ra nội dung cốt lõi và mối quan hệ logic qua nghiên cứu các chương. (3) Hướng dẫn nghiên cứu về vấn đề cụ

thể trong từng chương; (4) Giảng viên cần hướng dẫn sinh viên tự làm việc nhiều hơn với giáo trình. Bên cạnh đó, giảng viên cũng cần chú trọng trong việc giao chủ đề cho sinh viên nghiên cứu, kiểm tra kết quả tự nghiên cứu của sinh viên, đây chính là một trong những động lực để sinh viên tích cực tự học, tự nghiên cứu trong học đại học.

Về phía nhà trường, cần bảo đảm cơ sở vật chất, học liệu phục vụ tự học: Cần bổ sung kịp thời các tài liệu tham khảo, các tạp chí chuyên ngành và mở rộng giao lưu, cập nhật website và liên kết với các website khác có nội dung phù hợp, phục vụ cho việc truy cập nghiên cứu của sinh viên. Cần quản lý và duy trì nghiêm túc thời gian tự học, chấn chỉnh kịp thời những trường hợp không thực hiện kế hoạch tự học hoặc những trường hợp làm ảnh hưởng đến quá trình tự học của người khác. Bên cạnh đó, tích cực biểu dương những mô hình, phương pháp tự học hiệu quả ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bomia, L. (1997). *The Impact of Teaching Strategies on Intrinsic Motivation*. ERIC Clearinghouse on Elementary and Early Childhood Education.
2. DuBrin, A. J. (2008). *Essentials of Management*. Nashville, Tennessee: SouthWestern.
3. Dung, N. T., & Anh, P. (2012). Những nhân tố tác động đến động lực học tập của sinh viên: Nghiên cứu tại một trường đại học ở Hà Nội. *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*, 24-30.
4. Merriam-Webster. (1997). *The Merriam-Webster Dictionary*. Springfield, Massachusetts: Merriam-Webster.
5. Murphy, P. K., & Alexander, P. (2000). A Motivated Exploration of Motivation Terminology. *Contemporary Educational Psychology*, 3-53.
6. Nga, H. T., & Kiệt, N. (2016). Phân tích các nhân tố tác động đến động lực học tập của sinh viên kinh tế Trường Đại học Cần Thơ. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 107-115.
7. Pintrich, P. R. (2003). A Motivational Science Perspective on the Role of Student Motivation in Learning and Teaching Contexts. *Journal of Educational Psychology*, 667-686.
8. Quyên, M. (2014, December 09). <https://www.tienphong.vn/>. Retrieved from Báo điện tử Tiền Phong: <https://www.tienphong.vn/giao-duc/60-sinh-vien-khong-dap-ung-yeu-cau-tu-hoc-794224.tpo>
9. Schunk, D. H. (2000). Motivation for achievement: Past, present, and future". *Contributions from Educational Psychology*, 161-165.
10. Tài, Đ. H., Hiền, L., & Lâm, N. (2016). Các nhân tố tác động đến động lực học tập của sinh viên - ví dụ thực tiễn tại Trường Đại học Lạc Hồng. *Tạp chí Khoa học Lạc Hồng*, 1-6.

Ngày nhận bài: 1/4/2021

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 1/5/2021

Ngày chấp nhận đăng bài: 21/5/2021

Thông tin tác giả:

1. TS. PHẠM NGỌC DƯƠNG

2. ThS. TRƯƠNG THỊ THÚY VI

Khoa Thương mại

Trường Đại học Tài chính - Marketing

FACTORS AFFECTING THE SELF-STUDY MOTIVATION OF ECONOMICS STUDENTS OF ADVANCED EDUCATIONAL PROGRAMS AT A UNIVERSITY IN HO CHI MINH CITY

● Ph.D PHAM NGOC DUONG

● Master. TRUONG THI THUY VI

Faculty of Commerce

University of Finance - Marketing

ABSTRACT:

This study identifies factors affecting the self-study motivation of economics students of advanced educational programs at a university in Ho Chi Minh City. The study's results show that there are four factors affecting students' self-study motivation, namely the volition for self-studying, the family and friends, the social environment and the learning environment. In which, the volition for self-studying has the strongest impact on the self-study motivation of economics students of advanced educational programs. Based on the study's findings, some recommendations are proposed to improve the self-study motivation of student's, thereby improving the quality of graduates and bringing more benefits to the students families, universities and also the society.

Keywords: self-study, self-study motivation, students of advanced educational programs.